

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 71/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Anh Tài
2. Ông Trương Văn Sinh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đậu Thị Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương*** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1134/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Đặng Hồng L, sinh năm 1966; trú tại: Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Đặng Xuân N, là luật sư thuộc trung tâm tư vấn pháp luật – Hội luật gia tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt

*Bị đơn:* Bà Lê Thị Hồng V, sinh năm 1980; trú tại: Khu phố T, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Dương Đức V, sinh năm 1992; trú tại: Khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/9/2017), có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Hồng C, sinh năm 1937 và bà Trần Thị B, sinh năm 1943; cùng trú tại: Khu nhà ở cán bộ viên chức Đài truyền hình Bình Dương khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 8 năm 2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn – ông Đặng Hồng L trình bày:*

Ông Đặng Hồng L và bà Lê Thị Hồng V chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2008, không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống giữa ông L và bà V có 01 người con chung tên Đặng Bảo N, sinh ngày 29/3/2009.

Tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4, được xây dựng trên thửa đất 72,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương thuộc thửa 1420, tờ bản đồ số 72 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 366556, số vào sổ cấp GCN CS05604 ngày 28/10/2016 cho bà Lê Thị Hồng V.

Nợ chung: Vợ chồng có nợ ông Đặng Hồng C và bà Trần Thị B số tiền 200.000.000 đồng.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng vào năm 2016, ông Lg và bà V phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà V có biểu hiện không chung thủy, có thái độ không tôn trọng ông L. Tình cảm của ông L và bà V ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng hơn.

Nhận thấy tình cảm giữa ông L và bà V không còn, không có khả năng hàn gắn nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Hồng V

Về con chung: Giao bà Lê Thị Hồng V trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung cháu Đặng Bảo N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Ông L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia tài sản chung quyền sử dụng đất có diện tích 72,1m<sup>2</sup> và 01 căn nhà cấp 4, được xây dựng trên thửa đất, tọa lạc tại khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương thuộc thửa 1420, tờ bản đồ số 72 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 366556, số vào sổ cấp GCN CS05604 ngày 28/10/2016 cho bà Lê Thị Hồng V để mỗi người hưởng ½. Ông L nhận hiện vật là căn nhà và quyền sử dụng đất, trả lại cho bà V ½ giá trị tài sản.

Về nợ chung: Yêu cầu chia đôi nợ chung 200.000.000 đồng của ông Đặng Hồng C và bà Trần Thị B mỗi người có nghĩa vụ thanh toán 100.000.000 đồng cho ông C và bà B

*\* Bản tự khai ngày 13/4/2018 và quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị Hồng V trình bày:*

Thống nhất với nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà V phát hiện ra ông L đã có vợ,

chưa ly hôn nhưng nói dối với bà V là đã ly hôn. Từ đó bà V không chấp nhận mối quan hệ với ông L nên nảy sinh mâu thuẫn ngày càng gay gắt và trầm trọng.

Về tài sản chung: Đối với quyền sử dụng đất có diện tích 72,1m<sup>2</sup> và 01 căn nhà cấp 4, tọa lạc tại khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 366556, số vào sổ cấp GCN CS05604 ngày 28/10/2016 cho bà V, bà V xác định đây là tài sản riêng của mình, không đồng ý chia ½ tài sản trên cho ông L.

Về nợ chung: Bà V xác định số nợ 200.000.000 đồng của ông Đặng Hồng C và bà Trần Thị B không phải là nợ chung mà đây là nợ riêng của ông L.

Do bà V và ông L chung sống không đăng ký kết hôn nên bà V đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông L và bà V.

Về con chung: Sau khi ly hôn bà V đồng ý nuôi con chung và đồng ý mức cấp dưỡng mà ông L đưa ra là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà V không đồng ý chia tài sản này vì đây là tài sản riêng của bà V.

Về nợ chung: Bà V không đồng ý số nợ nêu trên là nợ chung nên không đồng ý phải có nghĩa vụ trả 100.000.000 đồng cho ông C và bà B.

*\* Bản tự khai ngày 13/4/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Hồng C và bà Trần Thị B thống nhất trình bày:*

Vào ngày 03/01/2017, Đặng Hồng L có vay của ông C và bà B số tiền 200.000.000 đồng để trả tiền nợ ngân hàng. Khi vay tiền ông L có làm giấy biên nhận, nhưng do điều kiện khó khăn nên đến nay ông L chưa trả lại cho ông C và bà B. Nay yêu cầu ông Đặng Hồng L và bà Lê Thị Hồng V có nghĩa vụ trả lại số tiền 200.000.000 đồng cho ông C và bà B. Tuy nhiên ông C và bà B xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ngày 14/9/2018, ông L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung và nợ chung.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên Tòa.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về

nuôi con”, đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc “Chia tài sản khi ly hôn và nợ chung”.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Đặng Hồng L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Thị Hồng V và yêu cầu giao con chung cho bà V chăm sóc, nuôi dưỡng, yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn –bà Lê Thị Hồng V có nơi cư trú tại khu phố B, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Vào ngày 14/9/2018, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút. Nguyên đơn được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu

[5] Về nội dung: Ông Đặng Hồng L và bà Lê Thị Hồng V sống chung với nhau từ năm 2008, trên cơ sở có thỏa thuận tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, theo pháp luật quy định thì quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà V không phải là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, ông L và bà V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để công nhận cho ông L và bà V được thuận tình ly hôn mà cần áp dụng Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình và Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình để xử không công nhận cho ông L và bà V là vợ chồng

Về con chung: Từ khi ông L và bà V sống riêng, con chung sống chung với bà V. Bà V có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên chăm sóc con tốt và có khả năng bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, cháu Đặng Bảo N

có nguyện vọng sống với bà Vân nên tiếp tục giao cháu N cho bà V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà V đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng do ông L đặt ra nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Ông Đặng Hồng L phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 14; các Điều 15, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Đặng Hồng L đối với bị đơn - bà Lê Thị Hồng V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đặng Hồng L và bà Lê Thị Hồng V là vợ chồng.

- Về con chung: Bà Lê Thị Hồng V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Đặng Bảo N, sinh ngày 29/3/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Đặng Hồng L cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 10/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn và nợ chung của ông Đặng Hồng L đối với bà Lê Thị Hồng V. Ông L được quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 10.300.000 đồng (mười triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, trả lại cho ông Đặng Hồng L số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017760 ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

4. Về chi phí tố tụng khác: Ông Đặng Hồng L phải chịu 1.566.864 đồng (một triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng) được trừ vào số tiền ông L đã nộp cho Tòa án. Ông L đã thực hiện xong.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Trần Huỳnh Minh Trí**